TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2024/DS-PT
Ngày 03 - 4 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Trúc Phương

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2023/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Phương T, sinh năm 1994.

Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số C, Chu Văn A, Khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1991.

2.2. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V, là bị đơn trong vụ án.

(Chị T, chị M và anh V có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Phương T trình bày:

Chị T và chị Trần Thị Ngọc M là chỗ quen biết, ngày 20/12/2022 dl, chị M và anh Nguyễn Văn V vay của chị T 191.000.000 đồng, có làm giấy vay tiền và cam kết trả nợ, hẹn 5 ngày trả nên không tính lãi. Sau đó chị M không trả tiền đúng theo thỏa thuận, chị đến gặp ông Trần Văn L cha chị M, ông L nói trả cho chị 114.000.000 đồng trước và 77.000.000 đồng trả dần trong 8 tháng, sau ngày hẹn ông L và chị M không trả số tiền như đã hứa. Khi vay chị M có viết giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 25/12/2022 dl nợ số tiền 114.000.000 đồng và ngày 10/02/2023 dl nợ số tiền 77.000.000 đồng, chị M có chuyển trả 2 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, tổng cộng 6.000.000 đồng, do chị M trả tiền không đúng với cam kết nên chị không đồng ý nhận nữa và chị M cũng không có trả tiền lãi.

Chị T khởi kiện yêu cầu chị M và anh V có trách nhiệm liên đới trả tiền vay còn nợ 191.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm chị T thay đổi yêu cầu chị M và anh V có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay còn nợ 185.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với số tiền chị M chuyển là tiền làm ăn trước đó, không phải trả tiền mượn, chị không đồng ý khấu trừ vào số tiền chị M mượn theo giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 25/12/2022 dl và ngày 10/02/2023 dl.

- Bị đơn chị Trần Thị Ngọc M trình bày:

Chị M và chị Võ Phương T là chỗ quen biết, vào tháng 02/2022 chị M vay của chị T số tiền 20.000.000 đồng, một tháng sau chị vay thêm 50.000.000 đồng, tổng cộng 70.000.000 đồng, không có làm biên nhận. Trong thời gian vay chị trả lãi mỗi tháng 18.900.000 đồng, chị trả được 7 tháng thì ngưng, do chị còn thiếu tiền lãi của tháng trước nên cộng lại còn thiếu 20.000.000 đồng, chị còn nợ chị T 90.000.000 đồng. Giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 25/12/2022 dl số tiền 114.000.000 đồng và ngày 10/02/2023 dl số tiền 77.000.000 đồng do chị viết, ký tên và lăn tay, giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 25/12/2022 dl tiền gốc 90.000.000 đồng, cộng thêm 24.000.000 đồng tiền lãi là 114.000.000 đồng và giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 10/02/2023 dl số tiền 77.000.000 đồng là tiền lãi.

Chị M cung cấp sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn những lần chuyển tiền cho chị T, ngày 07/7/2022 số tiền 13.500.000 đồng, ngày 19/7/2022 số tiền 5.400.000 đồng, ngày 13/9/2022 số tiền 5.700.000 đồng, ngày 26/10/2022 chuyển 5.000.000 đồng, ngày 19/12/2022 chuyển 4.300.000 đồng. Ngoài ra, chị M chuyển qua Ngân hàng V1 20.000.000 đồng chưa nộp chứng từ, chuyển qua V2 20.000.000 đồng chưa nộp chứng từ, khoảng tháng 3/2023 chuyển 6.000.000 đồng, tổng cộng chị M chuyển cho chị T khoảng 79.900.000 đồng. Ngoài những lần chị M chuyển khoản, chị M đưa trực tiếp cho chị T khoảng 35.000.000 đồng. Tổng số tiền chị M trả lãi 114.900.000 đồng, chị M yêu cầu khấu trừ số tiền trả lãi vào số tiền nợ 114.000.000 đồng của giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày

25/12/2022 dl, số tiền chị M trả lãi đã vượt so với số tiền vay vốn, chị M thống nhất trả số tiền nợ vốn ban đầu 90.000.000 đồng cho chị T.

Chị M và anh V không đồng ý trả số tiền vay còn nợ 185.000.000 đồng theo yêu cầu của chị T, thống nhất trả cho chị T 90.000.000 đồng tiền vốn.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Anh V là chồng của chị Trần Thị Ngọc M, anh biết chị M vay tiền của chị T để làm kinh tế gia đình, anh thống nhất cùng chị M liên đới trả cho chị T 90.000.000 đồng tiền vốn.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2023/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự xét xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Phương T.

Buộc chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V có trách nhiệm liên đới trả cho chị Võ Phương T số tiền vay còn nợ 185.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V liên đới chịu 9.250.000 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho chị Võ Phương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.775.000 đồng theo biên lai số 0004358, ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/01/2024 chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số: 63/2023/DS-ST ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xin trả dần tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng, tổng cộng 90.000.000 đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Võ Phương T và chị Trần Thị Ngọc M, anh Nguyễn Văn V đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V đồng ý liên đới trả cho chị Võ Phương T số tiền vay còn nợ 150.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Võ Phương T và chị Trần Thị Ngọc M, anh Nguyễn Văn V đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Chị M và anh V đồng ý liên đới trả cho chị T số tiền vay còn nợ 150.000.000 đồng. Xét thấy, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và trái đạo đức xã hội nên chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V yêu cầu sửa một phần bản án xin trả dần tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng, tổng cộng 90.000.000 đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Võ Phương T và chị Trần Thị Ngọc M, anh Nguyễn Văn V đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V đồng ý liên đới trả cho chị Võ Phương T số tiền vay còn nợ 150.000.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa chị T và chị M, anh V là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của chị M và anh V là có căn cứ chấp nhận. Do công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và chị M, anh V, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2023/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp sửa bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án nên án phí tính lại cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị M và anh V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2023/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

3. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Võ Phương T và chị Trần Thị Ngọc M, anh Nguyễn Văn V như sau:

Chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V đồng ý liên đới trả cho chị Võ Phương T số tiền vay còn nợ 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn V phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Võ Phương T 4.775.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004358, ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Trần Thị Ngọc M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004620, ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Văn V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004621, ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Ngọc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Dũng